

BÀI 3

LẬP KẾ HOẠCH Y TẾ TRƯỜNG HỌC



Mục tiêu bài học:

Sau khi kết thúc bài học, người học có khả năng:

1. Trình bày được các nội dung cần có trong kế hoạch y tế trường học theo quy định hiện hành.
2. Lập kế hoạch y tế trường học phù hợp với yêu cầu thực tế và quy định hiện hành.

1

CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ LẬP KẾ HOẠCH

1.1. Thành lập/kiện toàn Ban chăm sóc sức khỏe học sinh

- Các trường cần thành lập Ban CSSKHS, Trưởng ban là đại diện Ban giám hiệu, Phó trưởng ban là Trạm trưởng Trạm Y tế xã, ủy viên thường trực là nhân viên y tế trường học, các ủy viên khác là giáo viên giáo dục thể chất, Tổng phụ trách Đội (đối với cơ sở giáo dục tiểu học và trung học cơ sở), đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Chữ thập đỏ trường học, Ban đại diện cha mẹ học sinh.
- Có nhiệm vụ chung của Ban và phân công trách nhiệm các thành viên trong ban CSSKHS.
- Định kỳ tổ chức họp Ban chăm sóc sức khỏe và đề ra nhiệm vụ cụ thể cho từng học kỳ (tối thiểu 1 lần/học kỳ).

1.2. Kế hoạch hoạt động và kinh phí cho công tác YTTH hàng năm

- Hàng năm nhà trường phải xây dựng kế hoạch hoạt động YTTH theo

năm học được phê duyệt. Phương pháp xây dựng kế hoạch được chi tiết trong phần sau. Nhà trường phải phân bổ kinh phí để thực hiện nhiệm vụ YTTH trong năm.

- Bên cạnh đó nhà trường có thể dự trù kinh phí theo quy định tại Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều về điều của Luật BHYT và Thông tư số 30/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP, trong đó có cho học sinh quy định về mức đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng học sinh. Nếu đủ một số điều kiện về cơ sở vật chất và NVYT, BHYT sẽ chi trả một số mục chi như: Chi mua thuốc, vật tư y tế phục vụ sơ cấp cứu, xử trí ban đầu cho trẻ em, học sinh, sinh viên; Chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị y tế thông thường phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, tủ tài liệu quản lý hồ sơ sức khỏe tại cơ sở giáo dục; Chi mua văn phòng phẩm phục vụ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu.

2

CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN CẦN XEM XÉT ĐỂ LẬP KẾ HOẠCH Y TẾ TRƯỜNG HỌC

Các nội dung sau đây mô tả chi tiết kế hoạch y tế trường học. Tuy việc lập kế hoạch YTTH là nhiệm vụ của Ban CSSK học sinh, nhưng NVYTTH có trách nhiệm tham mưu, tư vấn, thực hiện các nội dung liên quan đến YTTH/lập kế hoạch YTTH. Do vậy, NVYTTH cần nắm được các nội dung cơ bản của kế hoạch YTTH theo quy định hiện hành.

2.1. Điều kiện về cơ sở vật chất (phòng học, bàn ghế, bảng, ánh sáng, phòng ngủ, đồ chơi)

» *Phòng học*

- Yêu cầu về thiết kế phòng học:
 - + Cơ sở giáo dục mầm non: TCVN 3907: 2011 ban hành kèm theo Quyết định số 2585/QĐ-BKHCN ngày 23/8/2011 (gọi tắt là Quyết định số 2585/QĐ-BKHCN)
 - + Trường tiểu học, lớp tiểu học: TCVN 8793: 2011 ban hành kèm theo Quyết định số 2585/QĐ-BKHCN.
 - + Trường THCS; THPT: TCVN 8794: 2011 ban hành kèm theo Quyết định số 2585/QĐ-BKHCN.

» *Bàn ghế*

- Yêu cầu về kích thước bàn ghế:
 - + Cơ sở giáo dục mầm non: TCVN 1993, Bàn ghế học sinh mẫu giáo - Yêu cầu chung.
 - + Trường tiểu học, THCS, THPT, trường phổ thông có nhiều cấp học, trường chuyên biệt: TTLT số 26/2011/TTLT- BGDDĐT- BKHCN-BYT ngày 16/6/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Y tế hướng dẫn tiêu chuẩn bàn ghế học sinh trường tiểu học, trường THCS, THPT.

» **Bảng học**

- Về kích thước: Rộng (1,2m - 1,5m), dài (2,0m - 3,2m); Chiều dài bảng không nên dài hơn bục giảng để đảm bảo an toàn.
- Bảng chống lóa; màu xanh lá cây hoặc màu đen (phần trắng), màu trắng (viết bút dạ);
- Cách treo: Bảng treo ở giữa tường, mép dưới bảng cách nền phòng học từ 0,65m - 0,8m đối với trường TH; từ 0,8m - 1,0m đối với trường THCS, THPT; khoảng cách tới mép bàn học sinh đầu tiên $\geq 1,8\text{m}$.

» **Bục giảng**» **Chiếu sáng**

- Yêu cầu về thiết kế
 - + Cơ sở giáo dục mầm non: Mục 6.2 TCVN 3907:2011 (Quyết định số 2585/QĐ-BKHCHN).
 - + Trường tiểu học: Mục 6.2 TCVN 8793:2011 (Quyết định số 2585/QĐ-BKHCHN).
 - + Trường THCS & THPT: Mục 6.2 TCVN 8794:2011 (Quyết định số 2585/QĐ-BKHCHN).
 - + Đồ chơi: Đồ chơi cho trẻ em: Thông tư số 16/2011/TT-BGDĐT ngày 13/4/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc trang bị, quản lý, sử dụng đồ chơi trẻ em trong nhà trường.

2.2. Bảo đảm các điều kiện nước uống, cấp thoát nước và vệ sinh môi trường

» **Nước uống và nước sinh hoạt**

- Các trường học sử dụng nguồn nước từ các cơ sở đủ điều kiện vệ sinh
- Nước uống cho học sinh, tối thiểu 0,5l (mùa hè), 0,3l (mùa đông)/HS/buổi học.
- Nước sinh hoạt tối thiểu 4 lít/HS/buổi học; mỗi vòi sử dụng tối đa cho 200 học sinh trong một buổi học.
- Trường học có học sinh nội trú cung cấp đủ nước ăn uống và sinh hoạt, tối thiểu 100 lít cho một học sinh/24 giờ.
- Trường hợp trường học tự cung cấp nguồn nước: Cần đảm bảo theo các quy định về tiêu chuẩn hiện hành.

» Công trình vệ sinh

- Về thiết kế:
 - + Đối với cơ sở giáo dục mầm non: Yêu cầu thiết kế áp dụng theo tiêu chuẩn quy định tại mục 5.2.7 và mục 5.5.8 của Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 3907:2011) ban hành kèm theo Quyết định số 2585/QĐ-BKHCN;
 - + Đối với trường tiểu học; lớp tiểu học trong trường phổ thông có nhiều cấp học và trong trường chuyên biệt: Yêu cầu thiết kế áp dụng theo tiêu chuẩn quy định tại mục 5.6.1, mục 5.6.2 và mục 5.6.3 của Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 8793:2011) ban hành kèm theo Quyết định số 2585/QĐ-BKHCN;
 - + Đối với trường trung học cơ sở; trường trung học phổ thông; lớp trung học cơ sở, lớp trung học phổ thông trong trường phổ thông có nhiều cấp học và trong trường chuyên biệt: Yêu cầu thiết kế áp dụng theo quy định tại mục 5.6 của Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 8794:2011) ban hành kèm theo Quyết định số 2585/QĐ-BKHCN.
- Về điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh nhà tiêu: Áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 01:2011/BYT) theo Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - Điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh;
- Về điều kiện rửa tay: Trường học phải có chỗ rửa tay với nước sạch, xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn khác.

» Thu gom và xử lý chất thải

- Trường học phải có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp; có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, phòng y tế, nhà bếp, khu vệ sinh, khu nuôi động vật thí nghiệm;
- Các trường học hợp đồng với các cơ sở đủ điều kiện thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt.

Trường hợp trường học tự thu gom, xử lý thì phải bảo đảm theo quy định tại khoản 4, mục VII, phần II của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 07:2010/BYT) vệ sinh phòng bệnh truyền nhiễm trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 46/2010/

TT-BYT ngày 29 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh phòng bệnh truyền nhiễm trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

2.3. Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm

Việc lựa chọn các hình thức hoạt động của bếp ăn trong nhà trường cần phải được thực hiện dựa trên các điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm được quy định tại Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế và Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học. Nội dung này được trình bày chi tiết trong *Học phần 3 - Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm*.

- Trường học có bếp ăn nội trú, bán trú:
 - + Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
 - + Các văn bản hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế về bảo đảm an toàn thực phẩm.
- Trường học không có bếp ăn: Ký hợp đồng với các cơ sở có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

2.4. Bảo đảm môi trường thực thi chính sách và xây dựng các mối quan hệ xã hội trong trường học, liên kết cộng đồng

» *Bảo đảm các điều kiện về chăm sóc sức khỏe cho học sinh*

- Phòng Y tế:
 - + Bố trí phòng Y tế riêng, đảm bảo diện tích, ở vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu, cấp cứu và chăm sóc sức khỏe học sinh.
 - + Cơ sở thuốc, trang thiết bị y tế: Theo Quyết định số 1221/QĐ-BYT ngày 07 tháng 4 năm 2008 của Bộ Y tế về việc ban hành Danh mục trang thiết bị, thuốc thiết yếu dùng trong phòng y tế học đường của các trường TH, THCS, THPT, trường phổ thông có nhiều cấp học.

- + Sổ sách, biểu mẫu: Có sổ khám bệnh theo mẫu A1/YTCS quy định tại Thông tư số 27/2014/TT-BYT ngày 14 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định hệ thống biểu mẫu thống kê y tế áp dụng đối với các cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện, xã.
- Nhân viên y tế trường học đảm bảo các yêu cầu (Xem chi tiết trong bài 1).

2.5. Quản lý sức khỏe học sinh phù hợp với từng cấp học

Theo các tiêu chí đánh giá trong mẫu đánh giá công tác YTTH (Phụ lục 3 TTLT số 13/2016/BYT-BGDĐT), công tác quản lý sức khỏe học sinh cần thực hiện theo các quy định sau:

- Kiểm tra sức khỏe đầu năm học cho học sinh phù hợp với từng cấp học.
- Lập sổ theo dõi sức khỏe học sinh cho từng học sinh (Theo Mẫu 1 - Phụ lục 1 TTLT số 13/2016/BYT-BGDĐT).
- Theo dõi sức khỏe học sinh kịp thời phát hiện các vấn đề sức khỏe đặc thù theo các lứa tuổi.
- Phối hợp với các cơ sở y tế đủ điều kiện khám tổ chức khám điều trị theo chuyên khoa.
- Thực hiện sơ cứu, cấp cứu (nếu có) theo quy định của Bộ Y tế.
- Tư vấn các vấn đề liên quan đến bệnh tật, phát triển thể chất và tinh thần của học sinh.
- Hướng dẫn tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý.
- Phối hợp với cơ sở y tế địa phương trong việc tổ chức các chiến dịch tiêm chủng, uống vắc xin phòng bệnh.
- Thông báo định kỳ tối thiểu 01 lần/năm học và khi cần thiết về tình hình sức khỏe của học sinh cho cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh.
- Lập và ghi chép đầy đủ vào sổ khám bệnh, sổ theo dõi sức khỏe học sinh, sổ theo dõi tổng hợp tình trạng sức khỏe học sinh.
- Kiểm tra, giám sát các điều kiện học tập, vệ sinh trường lớp, an toàn thực phẩm, cung cấp nước uống, xà phòng rửa tay.

2.6. Hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe

Truyền thông, giáo dục sức khỏe phù hợp: Tùy từng lứa tuổi, cấp học khác nhau học sinh có các vấn đề sức khỏe thể chất, tinh thần khác nhau để có truyền thông cho phù hợp. Cần có kế hoạch in ấn tài liệu truyền thông. Truyền thông nâng cao kiến thức, thái độ cho học sinh về các yếu tố nguy cơ sức khỏe (sức khỏe thể chất và tinh thần); các biện pháp dự phòng và cải thiện sức khỏe cho học sinh... Lưu ý trong kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe cho học sinh cần có thực hành thay đổi hành vi, không truyền thông lý thuyết đơn thuần.

2.7. Thống kê báo cáo và đánh giá công tác y tế trường học

2.7.1. Thống kê báo cáo

Hàng năm các trường phải thực hiện báo cáo công tác y tế trường học khi kết thúc năm học theo quy định. Người làm công tác YTTH có trách nhiệm thực hiện công tác báo cáo công tác YTTH theo mẫu Phụ lục 2 của Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016 quy định công tác y tế trường học của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các nội dung (1) Thông tin chung (2) Hoạt động quản lý, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe học sinh (3) Hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe (4) Bảo đảm điều kiện chăm sóc sức khỏe (5) Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm theo quy định (6) Bảo đảm môi trường thực thi chính sách và xây dựng các mối quan hệ xã hội trong trường học, liên kết cộng đồng.

2.7.2. Đánh giá công tác y tế trường học

Hàng năm cơ quan quản lý giáo dục sẽ chịu trách nhiệm tổ chức đánh giá việc thực hiện công tác YTTH tại các Trường theo mẫu Phụ lục 3 (Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT). Nội dung đánh giá gồm 9 nội dung sau:

1. Công tác tổ chức và kế hoạch
2. Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất
3. Bảo đảm các điều kiện về cấp thoát nước và vệ sinh môi trường

4. Bảo đảm các điều kiện về an toàn thực phẩm
5. Bảo đảm môi trường thực thi chính sách và xây dựng các mối quan hệ xã hội trong trường học, liên kết cộng đồng.
6. Bảo đảm các điều kiện về chăm sóc sức khỏe cho học sinh.
7. Quản lý, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe học sinh.
8. Hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe.
9. Thống kê báo cáo và đánh giá.

2.7.3. Tổng hợp một số mẫu thực hiện, báo cáo và đánh giá công tác y tế trường học (theo Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT)

Mẫu 01. Sổ theo dõi sức khỏe học sinh (Phụ lục 1 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT)

- + Sổ dành cho trẻ từ 3 tháng tuổi đến < 6 tuổi)
- + Sổ dành cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 5
- + Sổ dành cho học sinh từ lớp 6 đến lớp 9
- + Sổ dành cho học sinh từ lớp 10 đến lớp 12
- + Sổ khám bệnh

Mẫu 02. Sổ theo dõi tổng hợp tình trạng sức khỏe học sinh (Phụ lục 1 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT)

Mẫu 03. Mẫu báo cáo công tác y tế trường học (Phụ lục 2 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT)

Mẫu 04. Mẫu đánh giá công tác YTTH áp dụng cho cơ sở GDMN (Phụ lục 3 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT)

Mẫu 05. Mẫu đánh giá công tác YTTH áp dụng cho cơ sở GDPT (Phụ lục 4 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT).

Các biểu mẫu này được trình bày trong Phụ lục của bài 2 trong tài liệu này.

PHƯƠNG PHÁP LẬP KẾ HOẠCH Y TẾ TRƯỜNG HỌC

3.1. Khái niệm

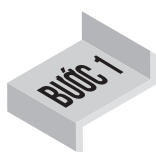
Lập kế hoạch y tế trường học là nêu ra các công việc cần phải thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định, theo một trình tự, với các nguồn lực dự kiến cụ thể để đạt được những mục tiêu về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe học sinh.

Kế hoạch y tế trường học thường được xây dựng cho một năm.

3.2. Yêu cầu nội dung kế hoạch y tế hàng năm

- Đáp ứng cao nhất nhu cầu chăm sóc sức khỏe tại trường học
- Dựa trên các quy định hành chính hiện hành, quy chế chuyên môn
- Hiệu quả sử dụng nguồn lực: trang thiết bị, chi phí, đầu tư
- Giải pháp được nhà trường và cộng đồng chấp nhận.
- Đảm bảo tính khả thi

3.3. Các bước lập kế hoạch



Phân tích tình hình, xác định vấn đề tồn tại và vấn đề ưu tiên tại trường học

» *Thu thập thông tin để đánh giá tình hình*

Thu thập thông tin đóng vai trò rất quan trọng trong quản lý và lập kế hoạch. Thông tin lập kế hoạch dựa vào kết quả báo cáo và đánh giá hàng năm. Dựa vào kế hoạch chiến lược YTTH tại địa phương hoặc kế hoạch của Trường. Để có thể trả lời được câu hỏi đó chính xác, cần phải xác định rõ những thông tin cần thu thập, biết các phương pháp và các nguồn thu thập thông tin, để đảm bảo thu thập đúng và đủ các thông tin cần thiết. Bên cạnh đó, phải biết phân tích thông tin để có thể chuyển đổi các số liệu thô thành

các số liệu cần, phải trình bày các thông tin thu thập được một cách rõ ràng, dễ hiểu và báo cáo các thông tin thu thập được nếu cần thiết.

» **Xác định vấn đề ưu tiên**

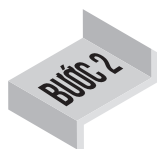
Sau khi thu thập thông tin cần thiết và phân tích tình hình, người lập kế hoạch có thể phát hiện ra rất nhiều vấn đề cần giải quyết. Tuy nhiên không thể tiến hành giải quyết tất cả những vấn đề được phát hiện ngay lập tức và cùng một lúc được. Vậy để sử dụng nguồn lực một cách hiệu quả, nên cân nhắc vấn đề nào cần giải quyết trước, vấn đề nào cần giải quyết sau bằng cách áp dụng các phương pháp khoa học để xác định ưu tiên.

» **Phân tích vấn đề**

Phân tích vấn đề là một bước rất quan trọng tiếp theo các bước trên. Mục tiêu của phân tích vấn đề là tìm ra các nguyên nhân gốc rễ, nguyên nhân trực tiếp, nguyên nhân gián tiếp, nguyên nhân có thể can thiệp được, nguyên nhân không thể can thiệp được để căn cứ vào đó có thể có các giải pháp thích hợp.

Khi tiến hành phân tích, câu hỏi đặt ra là công tác y tế trường học hiện nay ra sao? Cơ sở để tiến hành phân tích là nội dung của hoạt động y tế trường học.

- Vấn đề quản lý và chăm sóc sức khỏe học sinh.
- Vấn đề truyền thông, giáo dục sức khỏe.
- Vấn đề vệ sinh trường học.
- Vấn đề phòng chống bệnh tật.
- Khả năng đáp ứng về kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho từng nội dung hoạt động.



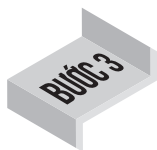
Xây dựng mục tiêu

Sau khi đã xác định được những vấn đề tồn tại của hoạt động y tế tại trường, người lập kế hoạch cần xác định những vấn đề đó có thể giảm đi hoặc giải quyết được đến mức độ nào.

Xác định mục tiêu không chỉ cần thiết cho việc lập kế hoạch mà còn giúp đánh giá việc thực hiện kế hoạch. Để có được một mục tiêu tốt thì trước hết mục tiêu đó phải được xây dựng dựa trên cơ sở khoa học rõ ràng và tin cậy. Mục tiêu đó cũng phải đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn như có đối tượng, hoạt động rõ ràng, cụ thể, có thời gian, địa điểm, phải phù hợp, khả thi và đo lường được.

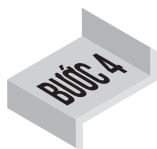
Căn cứ vào kết quả phân tích tình hình hoạt động y tế của trường, các vấn đề tồn tại và nguyên nhân của nó, những vấn đề được ưu tiên giải quyết và nguồn lực sẵn có (con người, cơ sở vật chất, kinh phí, thời gian), chỉ tiêu do cấp trên giao để xây dựng mục tiêu cho phù hợp với điều kiện của nhà trường.

Yêu cầu của mục tiêu là phải cụ thể, đo lường được, thiết thực, khả thi.



Chọn giải pháp

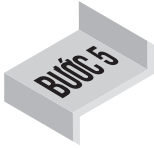
Sau khi biết được các nguyên nhân của những tồn tại trong công tác y tế trường học ở trường và xác định được mục tiêu cần đạt, người lập kế hoạch cần tìm cách giải quyết các nguyên nhân đó. Cách giải quyết các vấn đề đó được gọi là các giải pháp và được thực hiện thông qua các phương pháp thực hiện cụ thể. Để thực hiện được một giải pháp thì có thể có một hoặc nhiều phương pháp thực hiện khác nhau. Sau khi lựa chọn các giải pháp và phương pháp thực hiện, tiến hành phân tích khó khăn - thuận lợi của các phương pháp thực hiện lựa chọn để lường trước những khó khăn và tận dụng được những thuận lợi, xây dựng được kế hoạch hành động phù hợp nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Mỗi vấn đề ưu tiên được giải quyết bằng một hoặc nhiều giải pháp.



Đưa ra nội dung hoạt động và sắp xếp nguồn lực theo thời gian

Sau khi quyết định lựa chọn những giải pháp/phương pháp thực hiện cụ thể, người lập kế hoạch cần xây dựng kế hoạch hành động để đạt được

các mục tiêu, giải quyết được các nguyên nhân của những tồn tại. Trước khi lập kế hoạch cần lưu ý xem xét, cân bằng giữa khả năng và nhu cầu, dự tính xem những nguồn lực hiện có và những nguồn lực có thể huy động được (nhân lực, vật lực, tài lực, thời gian v.v...), những khó khăn, thuận lợi hiện tại và tương lai để xây dựng được kế hoạch hành động phù hợp.



Bảo vệ kế hoạch, chuẩn bị triển khai và điều chỉnh kế hoạch

Bản kế hoạch y tế trường học sau khi xây dựng xong phải được người có thẩm quyền phê duyệt (hiệu trưởng nhà trường). Bản kế hoạch đã được phê duyệt là căn cứ để triển khai trong suốt năm học.

Mẫu kế hoạch YTTH hoàn chỉnh được trình bày trong phụ lục 7 của tài liệu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Võ Kỳ Anh (2012), *Cẩm nang Y tế học đường*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), *Thông tư 16/2011/TT-BGDĐT* ngày 13/4/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc trang bị, quản lý, sử dụng đồ chơi trẻ em trong nhà trường, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế (2011), *Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT- BGDDĐT- BKHCN-BYT* ngày 16/6/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Y tế hướng dẫn tiêu chuẩn bàn ghế học sinh trường tiểu học, trường THCS, THPT, Hà Nội.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Thông tư số 23/2017/TT-BYT* ngày 15/5/2017 của Bộ Y tế hướng dẫn việc lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ theo độ tuổi cho trẻ em, tư vấn chăm sóc sức khỏe và dinh dưỡng, Hà Nội.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), *Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT* ngày 18/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trường phổ thông, Hà Nội.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020), *Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT* ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, Hà Nội.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT* ngày 31/12/2021 của Bộ giáo dục đào tạo quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non, Hà Nội.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Quyết định số 4501/QĐ-BGD-ĐT* ngày 29/11/2021 của Bộ giáo dục và đào tạo Ban hành chương trình phòng, chống tai nạn thương tích trẻ em, học sinh giai đoạn 2021-2025, Hà Nội.
9. Bộ Khoa học và Công nghệ (2011), *Quyết định số 2585/QĐ-BKHCN* về việc công bố 3 tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế đối với trường mầm non, tiểu học và trung học, Hà Nội.

10. Bộ Y tế (2008), *Quyết định 1221/QĐ-BYT* ngày 07/04/2008 của Bộ Y tế về việc ban hành Danh mục trang thiết bị, thuốc thiết yếu dùng trong phòng y tế học đường của các trường TH, THCS, THPT, trường phổ thông có nhiều cấp học, Hà Nội.
11. Bộ Y tế (2009), *Kỹ thuật Y tế trường học, tài liệu tập huấn lớp nâng cao. Bộ Y tế - Dự án ADB*, Hà Nội.
12. Bộ Y tế (2010), *Thông tư số 46/2010/TT-BYT* ngày 29/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh phòng bệnh truyền nhiễm trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Hà Nội.
13. Bộ Y tế (2011), *Thông tư số 27/2011/TT-BYT* ngày 24/06/2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - Điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh, Hà Nội.
14. Bộ Y tế (2012), *Kỹ thuật Y tế trường học*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
15. Bộ Y tế (2014), *Thông tư số 27/2014/TT-BYT* ngày 14/08/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định hệ thống biểu mẫu thống kê y tế áp dụng đối với các cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện, xã (sổ khám bệnh mẫu A1/YTCS), Hà Nội.
16. Bộ Y tế (2014), *Quyết định số 4944/QĐ-BYT* ngày 27/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành hướng dẫn quốc gia về phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng, Hà Nội.
17. Bộ Y tế (2016), *Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT* của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 12/5/2016 quy định về công tác y tế trường học, Hà Nội.
18. Bộ Y tế (2017), *Thông tư số 23/2017/TT-BYT* ngày 15/05/2017 của Bộ Y tế hướng dẫn việc lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ theo độ tuổi cho trẻ em, Hà Nội.
19. Bộ Y tế (2020), *Thông tư số 30/2020/TT-BYT* quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của theo Nghị định 146/2018/NĐ-CP, Hà Nội.
20. Bộ Y tế (2023), *Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT* hướng dẫn nội dung, biện pháp, kiểm tra, đánh giá xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, Hà Nội.

21. Chính phủ (2018), *Nghị định số 146/2018/NĐ-CP* ngày 17/10/2018 Hướng dẫn về điều luật BHYT, Hà Nội.
22. Chính phủ (2018), *Nghị định số 155/2018/NĐ-CP* ngày 12/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế, Hà Nội.
23. Thủ tướng Chính phủ (2021), *Quyết định số 1660/QĐ-TTg* ngày 02/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021-2025, Hà Nội.
24. Trần Văn Dân, Nguyễn Đức Trọng (2011), *Sức khỏe trường học*, Hà Nội.
25. Nguyễn Thuý Quỳnh, Nguyễn Thị Liên Hương (2018), *Tài liệu đào tạo Y tế trường học*, Nhà xuất bản Lao động Xã hội, Hà Nội.

PHỤ LỤC 1

SỔ THEO DÕI SỨC KHỎE HỌC SINH TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON (3 tháng - 6 tuổi)

Bìa sổ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ THEO DÕI SỨC KHỎE HỌC SINH

Họ và tên (chữ in hoa) Nam ☐ Nữ ☐

Ngày tháng năm sinh:/...../.....

Trường

Xã/phường/huyện/quận

Tỉnh/thành phố

(Sổ này được sử dụng trong suốt cấp học, khi học sinh chuyển trường phải mang theo để tiếp tục được theo dõi sức khỏe)

PHẦN I - THÔNG TIN CHUNG
(Phần này do cha, mẹ học sinh tự điền)

1. Họ và tên học sinh (chữ in hoa) Nam ☐ Nữ ☐
2. Ngày tháng năm sinh:/...../.....
3. Họ và tên bố hoặc người giám hộ:
Nghề nghiệp Số điện thoại liên lạc
Chỗ ở hiện tại:
4. Họ và tên mẹ hoặc người giám hộ:
Nghề nghiệp Số điện thoại liên lạc
Chỗ ở hiện tại:
5. Con thứ mấy: Tổng số con trong gia đình:
6. Tiền sử sức khỏe bản thân:
- a) Sản khoa:
- Bình thường ☐
- Không bình thường: Đẻ thiếu tháng ☐ Đẻ thừa tháng ☐ Đẻ có can thiệp ☐ Đẻ ngạt ☐
- Mẹ bị bệnh trong thời kỳ mang thai (nếu có cần ghi rõ tên bệnh:
.....)
- b) Tiền sử bệnh/tật: Hen ☐ Động kinh ☐ Dị ứng ☐ Tim bẩm sinh ☐
- c) Tiêm chủng:

STT	Loại vắc xin	Tình trạng tiêm/uống vắc xin		
		Có	Không	Không nhớ rõ
1	BCG			
2	Bạch hầu, ho gà, uốn ván			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			
3	Bại liệt			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			

4	Viêm gan B			
	Sơ sinh			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			
5	Sởi			
6	Viêm não Nhật Bản B			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			
7				

d) Hiện tại có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, ghi rõ tên bệnh và liệt kê các thuốc đang dùng:

7. Thay đổi địa chỉ chỗ ở hoặc số điện thoại (nếu có)
.....

TRƯỜNG:

HỌ TÊN HỌC SINH

(Phần này dành cho học sinh < 24 tháng tuổi)

PHẦN 2 - THEO DÕI SỨC KHỎE

(Do nhân viên y tế trường học thực hiện)

1. Theo dõi về thể lực (mỗi tháng/lần)

LỚP **NĂM HỌC**

Tháng/..... Nhân viên y tế trường học (NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;	Tháng/..... NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;
Tháng/..... NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;	Tháng/..... NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;
Tháng/..... NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;	Tháng/..... NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;
Tháng/..... NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;	Tháng/..... NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;
Tháng/..... NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;	Tháng/..... NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Chiều cao:m; Cân nặng:kg;
Đánh giá tình trạng DD: - Bình thường ☐ - Suy DD ☐ - Thừa cân béo phì ☐		Đánh giá tình trạng DD: - Bình thường ☐ - Suy DD ☐ - Thừa cân béo phì ☐	

TRƯỜNG:

HỌ TÊN HỌC SINH

(Phần này dành cho học sinh ≥ 24 tháng tuổi đến <36 tháng tuổi)

PHẦN 2 - THEO DÕI SỨC KHỎE

(Do nhân viên y tế trường học thực hiện)

1. Theo dõi về thể lực (Lần I - đầu năm học, Lần II - giữa năm học, Lần III - cuối năm học)

LỚP NĂM HỌC

Lần I <i>Nhân viên y tế trường học</i> <i>(NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường ☐ - Suy DD ☐ - Thừa cân béo phì ☐
Lần II <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường ☐ - Suy DD ☐ - Thừa cân béo phì ☐
Lần III <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường ☐ - Suy DD ☐ - Thừa cân béo phì ☐

TRƯỜNG:

HỌ TÊN HỌC SINH

(Phần này dành cho học sinh ≥ 36 tháng tuổi đến <6 tuổi)

PHẦN 2 - THEO DÕI SỨC KHỎE

(Do nhân viên y tế trường học thực hiện)

1. Theo dõi về thể lực (Lần I - đầu năm học, Lần II - giữa năm học, Lần III - cuối năm học)

LỚP NĂM HỌC

Lần I <i>Nhân viên y tế trường học</i> <i>(NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường ☐ - Suy DD ☐ - Thừa cân béo phì ☐ Huyết áp: Tâm trươngmgHg; Tâm thumgHg Nhịp tim:lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải: .../10 Mắt trái: .../10 Có kính: Mắt phải: .../10 Mắt trái: .../10
Lần II <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường ☐ - Suy DD ☐ - Thừa cân béo phì ☐
Lần III <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường ☐ - Suy DD ☐ - Thừa cân béo phì ☐

LỚP NĂM HỌC

Lần I <i>Nhân viên y tế trường học</i> <i>(NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường ☐ - Suy DD ☐ - Thừa cân béo phì ☐ Huyết áp: Tâm trươngmgHg; Tâm thumgHg Nhịp tim:lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải: .../10 Mắt trái: .../10 Có kính: Mắt phải: .../10 Mắt trái: .../10
Lần II <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường ☐ - Suy DD ☐ - Thừa cân béo phì ☐
Lần III <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường ☐ - Suy DD ☐ - Thừa cân béo phì ☐

LỚP NĂM HỌC

Lần I <i>Nhân viên y tế trường học</i> <i>(NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường ☐ - Suy DD ☐ - Thừa cân béo phì ☐ Huyết áp: Tâm trươngmgHg; Tâm thumgHg Nhịp tim:lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải: .../10 Mắt trái: .../10 Có kính: Mắt phải: .../10 Mắt trái: .../10
Lần II <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường ☐ - Suy DD ☐ - Thừa cân béo phì ☐
Lần III <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: - Chiều cao:m; - Cân nặng:kg; Tình trạng dinh dưỡng: - Bình thường ☐ - Suy DD ☐ - Thừa cân béo phì ☐

2. Theo dõi diễn biến bất thường về sức khỏe

[illegible]

PHẦN 3 - KHÁM SỨC KHỎE THEO CHUYÊN KHOA
(Do y, bác sĩ ghi chép khi khám chuyên khoa)

Thời gian khám:/...../..... Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)	Nhi khoa a) Tuần hoàn b) Hô hấp: c) Tiêu hóa d) Thận-Tiết niệu đ) Thần kinh-Tâm thần e) Khám lâm sàng khác
Thời gian khám:/...../..... Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)	Mắt a) Kết quả khám thị lực: - Không kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10 - Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10 b) Các bệnh về mắt (nếu có)
Thời gian khám:/...../..... Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)	Tai - Mũi - Họng a) Kết quả khám thính lực: - Tai trái: Nói thường:m; Nói thầm:m - Tai phải: Nói thường:m; Nói thầm:m b) Các bệnh về Tai - Mũi - Họng (nếu có)

Thời gian khám:/...../..... Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)	Răng - Hàm - Mặt a) Kết quả khám: - Hàm trên - Hàm dưới b) Các bệnh về Răng - Hàm - Mặt (nếu có)
Thời gian khám:/...../..... Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)	Cơ xương khớp a) Kết quả khám - Bình thường ☐ - Cong cột sống: Gù ☐ ưỡn ☐ - Vẹo cột sống: Hình chữ S ☐ Hình chữ C ☐ b) Các bệnh cơ xương khớp khác (nếu có)

PHỤ LỤC 2

SỔ THEO DÕI SỨC KHỎE HỌC SINH TIỂU HỌC (Lớp 1 - Lớp 5)

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/05/2016 quy định công tác y tế trường học của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Bìa sổ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ THEO DÕI SỨC KHỎE HỌC SINH

Họ và tên (*chữ in hoa*) Nam ☐ Nữ ☐

Ngày tháng năm sinh:/...../.....

Trường

Xã/phường/huyện/quận

Tỉnh/thành phố

Dành cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 5

(Sổ này được sử dụng trong suốt cấp học, khi học sinh chuyển trường phải mang theo để tiếp tục được theo dõi sức khỏe)

PHẦN I - THÔNG TIN CHUNG
(Phần này do cha, mẹ học sinh tự điền)

1. Họ và tên học sinh (chữ in hoa) Nam ☐ Nữ ☐
2. Ngày tháng năm sinh:/...../.....
3. Họ và tên bố hoặc người giám hộ:
Nghề nghiệp Số điện thoại liên lạc
Chỗ ở hiện tại:
4. Họ và tên mẹ hoặc người giám hộ:
Nghề nghiệp Số điện thoại liên lạc
Chỗ ở hiện tại:
5. Con thứ mấy: Tổng số con trong gia đình:
6. Tiền sử sức khỏe bản thân:
- a) Sản khoa:
- Bình thường ☐
 - Không bình thường: Đề thiếu tháng ☐ Đề thừa tháng ☐ Đề có can thiệp ☐ Đề ngạt ☐
 - Mẹ bị bệnh trong thời kỳ mang thai (nếu có cần ghi rõ tên bệnh:
.....)
- b) Tiền sử bệnh/tật: Hen ☐ Động kinh ☐ Dị ứng ☐ Tim bẩm sinh ☐
- c) Tiêm chủng:

STT	Loại vắc xin	Tình trạng tiêm/uống vắc xin		
		Có	Không	Không nhớ rõ
1	BCG			
2	Bạch hầu, ho gà, uốn ván			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			
3	Bại liệt			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			

4	Viêm gan B			
	Sơ sinh			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			
5	Sởi			
6	Viêm não Nhật Bản B			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			
7				

d) Hiện tại có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, ghi rõ tên bệnh và liệt kê các thuốc đang dùng:

7. Thay đổi địa chỉ chỗ ở hoặc số điện thoại (nếu có)
.....

TRƯỜNG:

HỌ TÊN HỌC SINH

PHẦN 2 - THEO DÕI SỨC KHỎE

(Do nhân viên y tế trường học thực hiện)

1. Theo dõi về thể lực, huyết áp, nhịp tim, thị lực (Lần 1 - đầu năm học, Lần 2 - đầu học kỳ II)

LỚP 1..... NĂM HỌC

Lần I Nhân viên y tế trường học (NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²) Huyết áp: Tâm trương/mgHg; Tâm thu/mgHg Nhịp tim: lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải:/10; Mắt trái:/10 Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10
Lần II NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²)

LỚP 2..... NĂM HỌC

Lần I Nhân viên y tế trường học (NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²) Huyết áp: Tâm trương/mgHg; Tâm thu/mgHg Nhịp tim: lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải:/10; Mắt trái:/10 Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10
Lần II NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²)

LỚP 3..... NĂM HỌC

Lần I <i>Nhân viên y tế trường học</i> <i>(NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m²) Huyết áp: Tâm trương/mgHg; Tâm thu/mgHg Nhịp tim: lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải:/10; Mắt trái:/10 Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10
Lần II <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m²)

LỚP 4..... NĂM HỌC

Lần I <i>Nhân viên y tế trường học</i> <i>(NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m²) Huyết áp: Tâm trương/mgHg; Tâm thu/mgHg Nhịp tim: lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải:/10; Mắt trái:/10 Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10
Lần II <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m²)

LỚP 5..... NĂM HỌC

Lần I <i>Nhân viên y tế trường học</i> <i>(NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m²) Huyết áp: Tâm trương/mgHg; Tâm thu/mgHg Nhịp tim: lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải:/10; Mắt trái:/10 Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10
Lần II <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m²)

2. Theo dõi diễn biến bất thường về sức khỏe

Thời gian	Chẩn đoán ban đầu	Xử trí		Ghi chú
		Xử trí tại trường (ghi nội dung xử trí)	Chuyển đến (ghi nơi chuyển đến)	
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				

PHẦN 3 - KHÁM SỨC KHỎE THEO CHUYÊN KHOA
(Do y, bác sĩ ghi chép khi khám chuyên khoa)

Thời gian khám:/...../..... Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)	Nhi khoa a) Tuần hoàn b) Hô hấp: c) Tiêu hóa d) Thận-Tiết niệu đ) Thần kinh-Tâm thần e) Khám lâm sàng khác
Thời gian khám:/...../..... Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)	Mắt a) Kết quả khám thị lực: - Không kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10 - Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10 b) Các bệnh về mắt (nếu có)
Thời gian khám:/...../..... Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)	Tai - Mũi - Họng a) Kết quả khám thính lực: - Tai trái: Nói thường:m; Nói thầm:m - Tai phải: Nói thường:m; Nói thầm:m b) Các bệnh về Tai - Mũi - Họng (nếu có)

Thời gian khám:/...../..... Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)	Răng - Hàm - Mặt a) Kết quả khám: - Hàm trên - Hàm dưới b) Các bệnh về Răng - Hàm - Mặt (nếu có)
Thời gian khám:/...../..... Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)	Cơ xương khớp a) Kết quả khám - Bình thường ☐ - Cong cột sống: Gù ☐ ưỡn ☐ - Vẹo cột sống: Hình chữ S ☐ Hình chữ C ☐ b) Các bệnh cơ xương khớp khác (nếu có)

PHỤ LỤC 3

SỔ THEO DÕI SỨC KHỎE HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ (Lớp 6 - Lớp 9)

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/05/2016 quy định công tác y tế trường học của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Bìa sổ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ THEO DÕI SỨC KHỎE HỌC SINH

Họ và tên (*chữ in hoa*) Nam ☐ Nữ ☐

Ngày tháng năm sinh:/...../.....

Trường

Xã/phường/huyện/quận

Tỉnh/thành phố

Dành cho học sinh từ lớp 6 đến lớp 9

(Sổ này được sử dụng trong suốt cấp học, khi học sinh chuyển trường phải mang theo để tiếp tục được theo dõi sức khỏe)

PHẦN I - THÔNG TIN CHUNG
(Phần này do cha, mẹ học sinh tự điền)

1. Họ và tên học sinh (chữ in hoa) Nam ☐ Nữ ☐
2. Ngày tháng năm sinh:/...../.....
3. Họ và tên bố hoặc người giám hộ:
Nghề nghiệp Số điện thoại liên lạc
Chỗ ở hiện tại:
4. Họ và tên mẹ hoặc người giám hộ:
Nghề nghiệp Số điện thoại liên lạc
Chỗ ở hiện tại:
5. Con thứ mấy: Tổng số con trong gia đình:
6. Tiền sử sức khỏe bản thân:
- a) Sản khoa:
- Bình thường ☐
 - Không bình thường: Đề thiếu tháng ☐ Đề thừa tháng ☐ Đề có can thiệp ☐ Đề ngạt ☐
 - Mẹ bị bệnh trong thời kỳ mang thai (nếu có cần ghi rõ tên bệnh:
.....)
- b) Tiền sử bệnh/tật: Hen ☐ Động kinh ☐ Dị ứng ☐ Tim bẩm sinh ☐
- c) Tiêm chủng:

STT	Loại vắc xin	Tình trạng tiêm/uống vắc xin		
		Có	Không	Không nhớ rõ
1	BCG			
2	Bạch hầu, ho gà, uốn ván			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			
3	Bại liệt			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			

4	Viêm gan B			
	Sơ sinh			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			
5	Sởi			
6	Viêm não Nhật Bản B			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			
7				

d) Hiện tại có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, ghi rõ tên bệnh và liệt kê các thuốc đang dùng:

7. Thay đổi địa chỉ chỗ ở hoặc số điện thoại (nếu có)
.....

TRƯỜNG:

HỌ TÊN HỌC SINH

PHẦN 2 - THEO DÕI SỨC KHỎE

(Do nhân viên y tế trường học thực hiện)

1. Theo dõi về thể lực, huyết áp, nhịp tim, thị lực (Lần 1 - đầu năm học, Lần 2 - đầu học kỳ II)

LỚP 6..... NĂM HỌC

Lần I <i>Nhân viên y tế trường học (NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²) Huyết áp: Tâm trương/mgHg; Tâm thu/mgHg Nhịp tim: lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải:/10; Mắt trái:/10 Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10
Lần II <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²)

LỚP 7..... NĂM HỌC

Lần I <i>Nhân viên y tế trường học (NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²) Huyết áp: Tâm trương/mgHg; Tâm thu/mgHg Nhịp tim: lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải:/10; Mắt trái:/10 Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10
Lần II <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²)

LỚP 8..... NĂM HỌC

Lần I <i>Nhân viên y tế trường học</i> <i>(NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²) Huyết áp: Tâm trương/mgHg; Tâm thu/mgHg Nhịp tim: lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải:/10; Mắt trái:/10 Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10
Lần II <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²)

LỚP 9..... NĂM HỌC

Lần I <i>Nhân viên y tế trường học</i> <i>(NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²) Huyết áp: Tâm trương/mgHg; Tâm thu/mgHg Nhịp tim: lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải:/10; Mắt trái:/10 Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10
Lần II <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²)

2. Theo dõi diễn biến bất thường về sức khỏe

Thời gian	Chẩn đoán ban đầu	Xử trí		Ghi chú
		Xử trí tại trường (ghi nội dung xử trí)	Chuyển đến (ghi nơi chuyển đến)	
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				

PHẦN 3 - KHÁM SỨC KHỎE THEO CHUYÊN KHOA
(Do y, bác sĩ ghi chép khi khám chuyên khoa)

Thời gian khám:/...../..... Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)	Nhi khoa a) Tuần hoàn b) Hô hấp: c) Tiêu hóa d) Thận-Tiết niệu đ) Thần kinh-Tâm thần e) Khám lâm sàng khác
Thời gian khám:/...../..... Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)	Mắt a) Kết quả khám thị lực: - Không kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10 - Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10 b) Các bệnh về mắt (nếu có)
Thời gian khám:/...../..... Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)	Tai - Mũi - Họng a) Kết quả khám thính lực: - Tai trái: Nói thường:m; Nói thầm:m - Tai phải: Nói thường:m; Nói thầm:m b) Các bệnh về Tai - Mũi - Họng (nếu có)

Thời gian khám:/...../..... Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)	Răng - Hàm - Mặt a) Kết quả khám: - Hàm trên - Hàm dưới b) Các bệnh về Răng - Hàm - Mặt (nếu có)
Thời gian khám:/...../..... Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)	Cơ xương khớp a) Kết quả khám - Bình thường ☐ - Cong cột sống: Gù ☐ ưỡn ☐ - Vẹo cột sống: Hình chữ S ☐ Hình chữ C ☐ b) Các bệnh cơ xương khớp khác (nếu có)

PHỤ LỤC 4

SỔ THEO DÕI SỨC KHỎE HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG (Lớp 10 - Lớp 12)

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/05/2016 quy định công tác y tế trường học của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Bìa sổ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ THEO DÕI SỨC KHỎE HỌC SINH

Họ và tên (*chữ in hoa*) Nam ☐ Nữ ☐

Ngày tháng năm sinh:/...../.....

Trường

Xã/phường/huyện/quận

Tỉnh/thành phố

Dành cho học sinh từ lớp 10 đến lớp 12

(Sổ này được sử dụng trong suốt cấp học, khi học sinh chuyển trường phải mang theo để tiếp tục được theo dõi sức khỏe)

PHẦN I - THÔNG TIN CHUNG
(Phần này do cha, mẹ học sinh tự điền)

1. Họ và tên học sinh (chữ in hoa) Nam ☐ Nữ ☐
2. Ngày tháng năm sinh:/...../.....
3. Họ và tên bố hoặc người giám hộ:
Nghề nghiệp Số điện thoại liên lạc
Chỗ ở hiện tại:
4. Họ và tên mẹ hoặc người giám hộ:
Nghề nghiệp Số điện thoại liên lạc
Chỗ ở hiện tại:
5. Con thứ mấy: Tổng số con trong gia đình:
6. Tiền sử sức khỏe bản thân:
- a) Sản khoa:
- Bình thường ☐
 - Không bình thường: Đề thiếu tháng ☐ Đề thừa tháng ☐ Đề có can thiệp ☐ Đề ngạt ☐
 - Mẹ bị bệnh trong thời kỳ mang thai (nếu có cần ghi rõ tên bệnh:
.....)
- b) Tiền sử bệnh/tật: Hen ☐ Động kinh ☐ Dị ứng ☐ Tim bẩm sinh ☐
- c) Tiêm chủng:

STT	Loại vắc xin	Tình trạng tiêm/uống vắc xin		
		Có	Không	Không nhớ rõ
1	BCG			
2	Bạch hầu, ho gà, uốn ván			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			
3	Bại liệt			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			

4	Viêm gan B			
	Sơ sinh			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			
5	Sởi			
6	Viêm não Nhật Bản B			
	Mũi 1			
	Mũi 2			
	Mũi 3			
7				

d) Hiện tại có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, ghi rõ tên bệnh và liệt kê các thuốc đang dùng:

7. Thay đổi địa chỉ chỗ ở hoặc số điện thoại (nếu có)
.....

TRƯỜNG:

HỌ TÊN HỌC SINH

PHẦN 2 - THEO DÕI SỨC KHỎE

(Do nhân viên y tế trường học thực hiện)

1. Theo dõi về thể lực, huyết áp, nhịp tim, thị lực (Lần 1 - đầu năm học, Lần 2 - đầu học kỳ II)

LỚP 10..... NĂM HỌC

Lần I Nhân viên y tế trường học (NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²) Huyết áp: Tâm trương/mgHg; Tâm thu/mgHg Nhịp tim: lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải:/10; Mắt trái:/10 Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10
Lần II NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²)

LỚP 11..... NĂM HỌC

Lần I Nhân viên y tế trường học (NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²) Huyết áp: Tâm trương/mgHg; Tâm thu/mgHg Nhịp tim: lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải:/10; Mắt trái:/10 Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10
Lần II NVYTTH ký, ghi rõ họ tên	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²)

LỚP 12..... NĂM HỌC

Lần I <i>Nhân viên y tế trường học (NVYTTH) ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²) Huyết áp: Tâm trương/mgHg; Tâm thu/mgHg Nhịp tim: lần/phút Thị lực: Không kính: Mắt phải:/10; Mắt trái:/10 Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10
Lần II <i>NVYTTH ký, ghi rõ họ tên</i>	Thể lực: Chiều cao:m; Cân nặng:kg; Chỉ số BMI: (kg/m ²)

2. Theo dõi diễn biến bất thường về sức khỏe

Thời gian	Chẩn đoán ban đầu	Xử trí		Ghi chú
		Xử trí tại trường (ghi nội dung xử trí)	Chuyển đến (ghi nơi chuyển đến)	
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				
...../...../.....				

[illegible]

PHẦN 3 - KHÁM SỨC KHỎE THEO CHUYÊN KHOA
(Do y, bác sĩ ghi chép khi khám chuyên khoa)

Thời gian khám:/...../..... Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)	Nhi khoa a) Tuần hoàn b) Hô hấp: c) Tiêu hóa d) Thận-Tiết niệu đ) Thần kinh-Tâm thần e) Khám lâm sàng khác
Thời gian khám:/...../..... Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)	Mắt a) Kết quả khám thị lực: - Không kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10 - Có kính: Mắt phải:/10 Mắt trái:/10 b) Các bệnh về mắt (nếu có)
Thời gian khám:/...../..... Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)	Tai - Mũi - Họng a) Kết quả khám thính lực: - Tai trái: Nói thường:m; Nói thầm:m - Tai phải: Nói thường:m; Nói thầm:m b) Các bệnh về Tai - Mũi - Họng (nếu có)

Thời gian khám:/...../..... Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)	Răng - Hàm - Mặt a) Kết quả khám: - Hàm trên - Hàm dưới b) Các bệnh về Răng - Hàm - Mặt (nếu có)
Thời gian khám:/...../..... Y, bác sĩ khám (ký và ghi rõ họ tên)	Cơ xương khớp a) Kết quả khám - Bình thường ☐ - Cong cột sống: Gù ☐ ưỡn ☐ - Vẹo cột sống: Hình chữ S ☐ Hình chữ C ☐ b) Các bệnh cơ xương khớp khác (nếu có)

PHỤ LỤC 5

SỔ THEO DÕI TỔNG HỢP TÌNH TRẠNG SỨC KHỎE HỌC SINH

Bìa sổ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ THEO DÕI TỔNG HỢP TÌNH TRẠNG SỨC KHỎE HỌC SINH

Trường:

Xã/phường/huyện/quận.....

Tỉnh/thành phố.....

NĂM HỌC:

NĂM HỌC:

[illegible]

PHẦN 2. DANH SÁCH HỌC SINH SUY DINH DƯỠNG

NĂM HỌC:

[illegible]

NĂM HỌC:

[illegible]

PHẦN 4. DANH SÁCH HỌC SINH MẮC BỆNH TIM MẠCH

NĂM HỌC:

[illegible]

NĂM HỌC:

[illegible]

PHẦN 6. DANH SÁCH HỌC SINH MẮC BỆNH VỀ CƠ XƯƠNG KHỚP

NĂM HỌC:

[illegible]

NĂM HỌC:

[illegible]

PHẦN 8. DANH SÁCH HỌC SINH RỐI LOẠN SỨC KHỎE TÂM THẦN

NĂM HỌC:

[illegible]

PHỤ LỤC 6

SỔ THEO DÕI TAI NẠN THƯƠNG TÍCH

[illegible]

PHỤ LỤC 7

MẪU KẾ HOẠCH Y TẾ TRƯỜNG HỌC

Sở GD&ĐT tỉnh/thành phố..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Phòng GD&ĐT huyện/thị..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 Trường.....
 Ngàytháng.....năm.....

KẾ HOẠCH

I. Tình hình chung

1. Đặc điểm chung của trường
2. Tình hình sức khỏe và nhu cầu chăm sóc sức khỏe học sinh trong trường
3. Tình hình hoạt động y tế trong trường
4. Những thuận lợi, tồn tại cơ bản và vấn đề ưu tiên

II. Mục tiêu tổng thể và các chỉ tiêu kế hoạch

1. Mục tiêu
2. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản

III. Giải pháp và nội dung hoạt động

1. Các nhóm giải pháp lớn
2. Nội dung hoạt động
 - 2.1. Công tác sơ cấp cứu ban đầu tại trường
 - 2.2. Công tác khám sức khỏe định kỳ và quản lý sức khỏe học sinh
 - 2.2. Công tác phòng chống dịch bệnh và tăng cường sức khỏe
 - 2.3. Công tác vệ sinh môi trường trong trường học
 - 2.4. Công tác giáo dục, truyền thông sức khỏe
 - 2.5. Thực hiện các chương trình y tế trong trường học
 - 2.6. Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất
 - 2.7. Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm trong trường học

IV. Nguồn lực chủ yếu

V. Kế hoạch thực hiện từng giải pháp

Giải pháp 1:

Tên hoạt động	Thời gian		Địa điểm	Người thực hiện, phối hợp	Kinh phí	Vật tư, trang thiết bị YT	Dự kiến kết quả
	Bắt đầu	Kết thúc					
1.....							
2.....							
3.....							

Giải pháp 2:

Tên hoạt động	Thời gian		Địa điểm	Người thực hiện, phối hợp	Kinh phí	Vật tư, trang thiết bị YT	Dự kiến kết quả
	Bắt đầu	Kết thúc					
1.....							
2.....							
3.....							

VI. Những kiến nghị và đề xuất

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

LÃNH ĐẠO NHÀ TRƯỞNG
HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Chịu trách nhiệm xuất bản:
GD - TBT. Bùi Thị Lâm Ngọc

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:
PGĐ. Trương Văn Tuấn

Biên tập nội dung và sửa bản in:
Tạ Thị Lộc

Bộ Giáo dục và Đào tạo

**CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NÂNG CAO NĂNG LỰC
CHO NHÂN VIÊN Y TẾ TRƯỜNG HỌC**

**HỌC PHẦN 8
CÔNG TÁC QUẢN LÝ SỨC KHỎE HỌC SINH**

In 990 cuốn, khổ 16.7x24 tại Công ty TNHH Thương mại - Quảng cáo và In Phú Sĩ.

Địa chỉ: A10 tập thể Khương Thượng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa, Hà Nội.

Số ĐKXB: 4395 - 2023 / CXBIPH / 8 - 924 / ĐON, Cục Xuất bản, In và phát hành xác nhận ngày
08/12/2023.

Quyết định xuất bản số: 1460/QĐB-ĐON, do Nhà xuất bản Đồng Nai cấp ngày 06/12/2023.

Mã ISBN: 978-604-42-0146-7.

In xong, nộp lưu chiểu Quý IV, năm 2023.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

MINISTRY OF EDUCATION AND TRAINING

📍 Số 35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội

☎ (+84) 243 869 5144

🌐 <https://moet.gov.vn/>



Save the Children

Tổ chức Cứu trợ Trẻ em (Save the Children - SC)

📍 Tầng 9, Tòa nhà Vietbank, số 72 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

☎ (+84) 243 573 5050

🌐 <https://vietnam.savethechildren.net/>

HỌC PHẦN 8



9 786044 201467